TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 43

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số «bốn trăm năm mươi bảy» viết là:

A. 754 **B.** 4057 **C.** 475 **D.** 457

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số lớn nhất trong các số 245, 254, 345, 246 là:

A. 245 **B.** 254 **C.** 246 **D.** 345

Câu 3. *(0,5 điểm)* Giá trị của biểu thức (35 + 19) × 2 là:

A. 73 **B.** 108 **C.** 102 **D.** 109

Câu 4. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép nhân 167 × 2 là:

A. 330 **B.** 324 **C.** 344 **D.** 334

Câu 5. *(0,5 điểm)* Giảm 96 đi 8 lần được:

A. 768 **B.** 88 **C.** 12 **D.** 13

Câu 6. *(0,5 điểm)* Một phần hai (1/2) của 14 l là:

A. 7 l **B.** 12 l **C.** 9 l **D.** 28 l

Câu 7. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 4 cm 3 mm = …… mm

A. 403 **B.** 7 **C.** 43 **D.** 34

Câu 8. *(0,5 điểm)* I là trung điểm của đoạn thẳng CD. Biết CD = 38 m, độ dài đoạn CI là:

A. 76 m **B.** 38 m **C.** 19 m **D.** 36 m

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 24 + 4 × 5 = 140	
b) 2 m = 200 cm	
c) 7 × 8 = 58	
d) 19 : 3 = 6 (dư 1)	

Câu 10. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 8 × 7 …… 57

b) 1 l …… 1001 ml

c) 6 m 7 cm …… 616 cm

d) 1/2 của 14 …… 1/4 của 28

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1/5 của 15 giờ là …… giờ

b) 1/3 của 9 kg là …… kg

c) 1/8 của 72 cm là …… cm

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 3 dm 7 cm = …… cm

b) 9 cm = …… mm

c) 7 m 8 dm = …… dm

d) 3 m = …… dm

Câu 13. *(1 điểm)* Đếm hình:

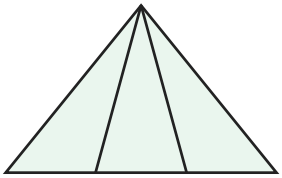

a) Hình bên có …… hình tam giác.

Câu 14. *(1 điểm)* Mỗi hộp có 9 cái bánh. Trang mua 8 hộp bánh và 17 cái bánh lẻ. Hỏi Trang mua tất cả bao nhiêu cái bánh?

a) 8 hộp có: …… cái bánh

b) Tất cả có: …… cái bánh

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 43

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	D	B	D	C	A	C	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) S; b) Đ; c) S; d) Đ

Câu 10.

a) 8 × 7 = 56 nên điền dấu «<»

b) 1 l = 1000 ml nên điền dấu «<»

c) 6 m 7 cm = 607 cm nên điền dấu «<»

d) 1/2 của 14 là 7; 1/4 của 28 là 7 nên điền dấu «=»

Câu 11.

a) 15 : 5 = 3 (giờ)

b) 9 : 3 = 3 (kg)

c) 72 : 8 = 9 (cm)

Câu 12.

a) 3 dm 7 cm = 37 cm (vì 1 dm = 10 cm)

b) 9 cm = 90 mm (vì 1 cm = 10 mm)

c) 7 m 8 dm = 78 dm (vì 1 m = 10 dm)

d) 3 m = 30 dm (vì 1 m = 10 dm)

Câu 13.

Có 3 tam giác nhỏ, 2 tam giác ghép từ 2 hình và 1 tam giác lớn: 6 hình tam giác.

Câu 14.

8 hộp: 9 × 8 = 72 (cái)

Tất cả: 72 + 17 = 89 (cái)